

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 206/2022/DS-PT

Ngày: 16-11-2022

V/v tranh chấp “Đòi tài sản”.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH AN GIANG**

***- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa* : Ông Nguyễn Văn Sơn

*Các Thẩm phán:* Ông Cao Minh Lễ

Ông Nguyễn Phước Hưng

***- Thư ký phiên tòa:*** Bà Phạm Thị Mộng Linh- Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh An Giang.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang tham gia phiên tòa:*** Ông Phạm Trường San- Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 11 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh An Giang xét xử công khai vụ án dân sự phúc thẩm thụ lý số: 175/2022/TLPT-DS ngày 10 tháng 10 năm 2022; về việc tranh chấp “Đòi tài sản là quyền sử dụng đất”;

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 05/2022/DS-ST ngày 18 tháng 4 năm 2022, của Tòa án nhân dân huyện TB bị kháng cáo;

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 196/2022/QĐPT-DS ngày 25 tháng 10 năm 2022, giữa các đương sự:

*1. Nguyên đơn:* Ông Trần Thế H, sinh năm 1975, nơi cư trú: phường MQ, thành phố LX, tỉnh An Giang. (có mặt)

*2. Bị đơn:* Ông Nguyễn Văn L, sinh năm 1962, nơi cư trú: ấp CM, xã CL, huyện TT, tỉnh An Giang. (vắng mặt)

*Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn có bà Nguyễn Thị Bé B, sinh năm 1980; cư trú: ấp CM, xã CL, huyện TT, tỉnh An Giang. (Theo văn bản ủy quyền ngày 03/11/2022). (có mặt)*

*3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Bà Nguyễn Thị Kim Ng, sinh năm 1982, nơi cư trú: phường MM, thành phố LX, tỉnh An Giang; nơi ở hiện nay: ấp BT, xã NN, huyện TTr, tỉnh Long An (vắng mặt)

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Tại đơn khởi kiện ngày 20 tháng 05 năm 2019 và quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay ông Trần Thế H trình bày: Tháng 8/2015 ông nhận chuyển nhượng từ ông Nguyễn Thế Ph gồm 02 diện tích đất:

- Diện tích 5.058 m<sup>2</sup>, loại đất trồng lúa nước, thửa số 3618, tờ bản đồ 04 đã được cấp quyền sử dụng đất số CH03255 ngày 28/8/2015 do UBND huyện TB cấp, đứng tên Trần Thế H và Nguyễn Thị Kim Ng.

- Diện tích 7.367 m<sup>2</sup>, loại đất trồng lúa nước, thửa số 3619, 3620, tờ bản đồ 04 đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH03256 ngày 28/8/2015 do UBND huyện TB cấp, đứng tên Trần Thế H và Nguyễn Thị Kim Ng.

Sau khi chuyển nhượng do ở xa ông cũng không quản lý, đến năm 2017 ông mới phát hiện ông Nguyễn Văn L (là ba ruột của ông Nguyễn Thế Ph) đến canh tác trồng khoai môn và xoài trên đất mà không có sự đồng ý của ông. Nay ông H yêu cầu ông L chấm dứt việc canh tác và trả 02 diện tích đất 5.058 m<sup>2</sup> và 7.367 m<sup>2</sup> lại cho ông.

- Về chi phí tố tụng gồm: Tạm ứng chi xem xét thẩm định là 600.000 đồng, định giá là 700.000 đồng; công đo đạc là 1.718.840 đồng, tổng cộng 3.018.840 đồng. Ông H tự nguyện chịu không yêu cầu bị đơn phải trả lại.

Tại phiên tòa sơ thẩm bị đơn ông Nguyễn Văn L vắng mặt, tuy nhiên trong quá trình giải quyết ông có ý kiến trình bày như sau: Hai diện tích đất theo yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn có nguồn gốc là do ông khai phá đất hoang từ năm 1980, trực tiếp canh tác đất này nhưng chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, ông không tặng cho, chuyển nhượng cho ai. Ông Nguyễn Thế Ph và Nguyễn Thế Ph là con ruột, việc Ph và Ph kê khai được cấp quyền sử dụng đất thì ông không biết. Ông không đồng ý trả lại diện tích đất theo yêu cầu của nguyên đơn.

Trong quá trình giải quyết, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Kim Ng đều vắng mặt và không có ý kiến trình bày.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số:15/2022/DS-ST ngày 18/4/2022 của Tòa án nhân dân huyện TB đã xử:

Áp dụng:

- Điều 147, 157, 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Điều 164, 165, 166, 168, 181 của Bộ luật dân sự năm 2015;

- Điều 166 Luật đất đai năm 2013.

- Điểm a khoản 2 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Đã Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện đòi lại tài sản là quyền sử dụng đất của nguyên đơn là ông Trần Thế H đối với bị đơn là ông Nguyễn Văn L.

Buộc ông Nguyễn Văn L có trách nhiệm trả lại diện tích 5.058 m<sup>2</sup> (diện tích thực đo 5.158,5m<sup>2</sup>), loại đất trồng lúa nước, thửa số 3618 cũ, tờ bản đồ 04 thuộc giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH03255 ngày 28/8/2015 do UBND huyện TB cấp, đứng tên Trần Thế H và Nguyễn Thị Kim Ng; diện tích 7.367 m<sup>2</sup> (diện tích thực đo 7.420,9 m<sup>2</sup>), loại đất trồng lúa nước, thửa số 3619, 3620, tờ bản đồ 04 thuộc giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH03256 ngày 28/8/2015 do UBND huyện TB cấp, đứng tên Trần Thế H và Nguyễn Thị Kim Ng.

*(Kèm theo bản trích đo địa chính do Văn phòng đăng ký đất đai chi nhánh TB lập ngày 04/8/2020)*

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Nguyễn Văn L phải chịu 300.000đ *(ba trăm ngàn đồng)* tiền án phí.

Ông Trần Thế H được hoàn lại tiền tạm ứng án phí 300.000đ *(Ba trăm ngàn đồng)* đã nộp theo biên lai thu số TU/2016/0014743 ngày 20 tháng 5 năm 2019 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện TB.

3. Về chi phí tố tụng: Nguyên đơn tự nguyện chịu số tiền là 3.018.840 đồng *(ba triệu, lẻ mười tám ngàn, tám trăm bốn mươi đồng)*, do nguyên đơn đã tạm ứng nên không phải nộp thêm.

Ngoài ra, Bản án còn tuyên về quyền kháng cáo; thời hạn thi hành án dân sự của các đương sự.

Ngày 13/6/2022, bị đơn ông Nguyễn Văn L kháng cáo yêu cầu xem xét lại toàn bộ vụ án;

### **Tại phiên tòa phúc thẩm,**

Nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện; đại diện theo ủy quyền bị đơn giữ nguyên nội dung kháng cáo; các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án và cam kết không cung cấp chứng mới tại giai đoạn phúc thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang phát biểu:

- Về tố tụng: Việc chấp hành pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký và các đương sự là đúng quy định của pháp luật;

- Về nội dung: Căn cứ vào tài liệu có trong hồ sơ, qua trình bày của các đương sự tại phiên tòa, xét thấy tại phiên tòa phúc thẩm nguyên đơn khai toàn bộ số tiền mua bán đất đều đưa cho ông Nguyễn Khoa Đình T, chứ không đưa tiền cho ông Nguyễn Thế Ph; do đó, đề nghị Hội đồng xét xử tạm ngừng phiên tòa để xác minh thêm;

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra và qua kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục kháng cáo: Ông L nộp đơn kháng cáo và nộp tiền tạm ứng án phí phúc thẩm hợp lệ trong hạn luật định; được chấp nhận xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Về tố tụng: Bà Ng là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt, Hội đồng xét xử căn cứ Điều 296 của Bộ Luật tố tụng Dân sự xét xử theo thủ tục chung.

[3] Xét yêu cầu kháng cáo của bị đơn ông Nguyễn Văn L do bà Nguyễn Thị Bé B đại diện theo ủy quyền thì thấy;

[3.1] Ông Nguyễn Văn L có lời khai, có tờ khai nguồn gốc đất khai hoang từ năm 1980 và sử dụng đất đến nay; nhưng cấp sơ thẩm không thu thập tài liệu, chứng cứ là hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ban đầu cho ông Nguyễn Thế Ph (con ông L) và hồ sơ chuyển nhượng quyền sử dụng đất từ ông Nguyễn Thế Ph sang tên ông Trần Thế H (chỉ có Hợp đồng chuyển nhượng QSDĐ)

[3.2] Cấp sơ thẩm không đưa người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Nguyễn Thế Ph vào tham gia tố tụng là có thiếu sót;

[3.3] Ngoài ra, cấp sơ thẩm cần lưu ý, nguyên đơn ông Trần Thế H khai toàn bộ việc chuyển nhượng do vợ chồng ông Nguyễn Thế Ph, bà Hình Thị Ngọc H và Nguyễn Thế Ph giao dịch, nhưng toàn bộ số tiền chuyển nhượng quyền sử dụng đất đều đưa trực tiếp cho ông Nguyễn Khoa Đình T nhận và đưa rất nhiều lần; do đó, cấp sơ thẩm khi giải quyết lại vụ án cần làm rõ vấn đề này;

[3.4] Biên bản thẩm định trên đất tranh chấp có rất nhiều cây lâu năm, xác định có ông Nguyễn Văn L trồng cây trên đất; cấp sơ thẩm có nhận định nhưng trong phần quyết định của Bản án sơ thẩm không nêu ra;

Các thiếu sót trên, cấp phúc thẩm không thể khắc phục được, cần thiết hủy toàn bộ bản án sơ thẩm; chuyển hồ sơ cho cấp sơ thẩm giải quyết lại cho đúng pháp luật;

Nội dung kháng cáo của ông Nguyễn Văn L sẽ được xem xét khi vụ án được giải quyết lại;

[4] Về án phí dân sự phúc thẩm: Ông L không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo luật định;

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 3 Điều 308; khoản 3 điều 148; điều 296 của Bộ Luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

**Tuyên xử:**

Hủy toàn bộ Bản án dân sự sơ thẩm số: 15/2022/DSST ngày 18/4/2022 của Tòa án nhân dân huyện TB, tỉnh An Giang;

Chuyển hồ sơ vụ án cho cấp sơ thẩm giải quyết lại vụ án cho đúng pháp luật; tiền chi phí tố tụng và tiền tạm ứng án phí sơ thẩm sẽ được xem xét khi vụ án được giải quyết lại;

Án phí dân sự phúc thẩm: Ông Nguyễn Văn L được nhận lại 300.000đ tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0007643 ngày 27/6/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện TB, tỉnh An Giang;

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nơi nhận:**

- TANDTC (1)
- VKSND.AG (1)
- TAND huyện (1)
- THA huyện(1).
- Toà Dân sự (2)
- Văn phòng.(1)
- Phòng KTNV & THA (1)
- Đương sự “ Đề thi hành ”
- Lưu: HS.

**Nguyễn Văn Sơn**